

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỰ LẬP**  
**QUÝ 4 NĂM 2021**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 26

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2021 tự lập của Công ty.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị (Từ nhiệm ngày 8/4/2021)
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị

#### **Ban Điều hành**

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/03/2021)
Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2021)
Ông Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính (Bổ nhiệm ngày 04/10/2021)
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/12/2021)
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

---

**Nguyễn Ngọc Thủy**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Hà Nội, ngày 7 tháng 2 năm 2022*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	1/1/2021
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>85.802.313.142</b>	<b>268.816.859.277</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.531.635.763</b>	<b>1.521.951.763</b>
1. Tiền	111	4	5.531.635.763	1.521.951.763
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>80.270.677.379</b>	<b>267.294.907.514</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	-	4.000.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.420.700.222	1.507.109.722
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		535.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	77.314.977.157	261.787.797.792
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.907.830.040.466</b>	<b>1.533.631.227.944</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>459.840.220</b>	<b>645.461.920</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	459.840.220	645.461.920
- Nguyên giá	222		1.139.016.215	1.139.016.215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(679.175.995)	(493.554.295)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>838.998.182</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	-	838.998.182
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>1.906.111.389.202</b>	<b>1.528.435.093.842</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.734.082.260.000	1.531.990.439.692
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		190.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239.100.000	239.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.209.970.798)	(3.794.445.850)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.258.811.044</b>	<b>3.711.674.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.258.811.044	3.711.674.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.993.632.353.608</b>	<b>1.802.448.087.221</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	1/1/2021
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>793.550.744.683</b>	<b>796.238.063.216</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>81.893.273.461</b>	<b>392.765.013.297</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	15.777.782.494	4.373.095.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.000.000	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	43.421.082.665	12.454.190.930
4. Phải trả người lao động	314		1.358.487.152	1.595.178.369
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	11.541.773.450	62.192.073.678
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.305.047.700	1.234.889.803
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	8.439.100.000	310.865.585.200
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>711.657.471.222</b>	<b>403.473.049.919</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	711.657.471.222	403.473.049.919
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.200.081.608.925</b>	<b>1.006.210.024.005</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>1.200.081.608.925</b>	<b>1.006.210.024.005</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		831.506.610.000	815.897.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		831.506.610.000	815.897.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.335.740.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		353.239.258.925	190.312.674.005
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		190.312.674.005	55.986.475.446
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		162.926.584.920	134.326.198.559
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.993.632.353.608</b>	<b>1.802.448.087.221</b>

Nguyễn Ngọc Thủy  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 Hà Nội, ngày 7 tháng 2 năm 2022

Nguyễn Mạnh Phú  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
 Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Q4.2021	Q4.2020	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>11,975,925,759</b>	<b>2,350,909,092</b>	<b>30,115,106,710</b>	<b>35,511,176,365</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>11,975,925,759</b>	<b>2,350,909,092</b>	<b>30,115,106,710</b>	<b>35,511,176,365</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	19	12,907,567,215	297,004,266	14,183,150,315	2,304,158,503
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(931,641,456)</b>	<b>2,053,904,826</b>	<b>15,931,956,395</b>	<b>33,207,017,862</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	158,241,606,575	69,499,439,906	286,577,510,945	103,588,888,262
7. Chi phí tài chính	22	21	22,797,468,291	(4,308,797,801)	84,787,233,738	53,313,147,452
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	6,406,702,260	(1,514,731,265)	11,728,663,663	3,664,703,363
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-26}</b>	<b>30</b>		<b>128,105,794,568</b>	<b>77,376,873,798</b>	<b>205,993,569,939</b>	<b>79,818,055,309</b>
10. Thu nhập khác	31		-	-	7,616	-
11. Chi phí khác	32	23	672,644,245	9,812,817	1,868,277,124	294,049,661
<b>12. Lợi nhuận khác (40=-32)</b>	<b>40</b>		<b>(672,644,245)</b>	<b>(9,812,817)</b>	<b>(1,868,269,508)</b>	<b>(294,049,661)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>127,433,150,323</b>	<b>77,367,060,981</b>	<b>204,125,300,431</b>	<b>79,524,005,648</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	25,207,388,813	10,743,138,156	41,198,715,511	11,174,527,089
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>102,225,761,510</b>	<b>66,623,922,825</b>	<b>162,926,584,920</b>	<b>68,349,478,559</b>

Nguyễn Ngọc Thủy  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 7 tháng 2 năm 2022

Nguyễn Mạnh Phú  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>204.125.300.431</b>	<b>79.524.005.648</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	185.621.700	179.905.989
- Các khoản dự phòng	03	14.415.524.948	(15.648.479.913)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(273.241.689.292)	(56.901.572.544)
- Chi phí lãi vay	06	69.179.191.128	66.385.663.225
- Các khoản điều chỉnh khác	07	838.998.182	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>15.502.947.097</b>	<b>73.539.522.405</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	187.484.541.959	(46.233.027.252)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	13.328.083.168	(200.898.594.814)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.077.862.957	(3.598.258.790)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.515.051.045)	(7.144.157.970)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.174.526.989)	(1.994.122.469)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>169.703.857.147</b>	<b>(186.328.638.890)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(392.091.820.308)	(75.451.507.342)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	20.180.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	272.758.039.868	6.326.787.344
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(119.333.780.440)</b>	<b>(48.944.719.998)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	49.288.307.293	651.853.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(95.648.700.000)	(415.575.045.383)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(46.360.392.707)</b>	<b>236.277.954.617</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>4.009.684.000</b>	<b>1.004.595.729</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.521.951.763</b>	<b>517.356.034</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5.531.635.763</b>	<b>1.521.951.763</b>

Nguyễn Ngọc Thủy  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 7 tháng 2 năm 2022

Nguyễn Mạnh Phú  
Kê toán trưởng

Nguyễn Thị Hải  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2021 với vốn điều lệ của Công ty là 831.506.610.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng**

Không có hoạt động nào đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 04 công ty con là:

- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 66,36%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51,19%.
- Công ty Cổ phần English Now Global với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.

Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax có trụ sở chính tại số 12 ngách 1, ngõ 111 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty này là kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo giữa niên độ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 48,72%, tỷ lệ quyền biểu quyết và lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

##### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phân thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)***

Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

### **Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Ghi nhận giá vốn**

Hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng do Công ty thực hiện trực tiếp, theo đó giá vốn của các hoạt động này chủ yếu là chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương của toàn Công ty theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty. Giá vốn được ghi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

nhận tương ứng với doanh thu khi dịch vụ tư vấn đã hoàn thành thành, chuyển giao cho đối tác.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 59,76% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần English Now Global: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia: Công ty con của Công ty;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

**4. TIỀN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	5,373,514,191	299,466,495
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	158,121,572	1,222,485,268
<b>Cộng</b>	<b>5,531,635,763</b>	<b>1,521,951,763</b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	-	<b>4,000,000,000</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	4,000,000,000

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<b>2,420,700,222</b>	<b>1,507,109,722</b>
Công ty cổ phần thẩm định giá thế kỷ CN HCM	110,000,000	-
Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam	82,500,000	105,000,000
Công ty TNHH Kiến tạo và Kiệt tác	100,000,000	100,000,000
Công ty Cổ phần Vicad Tư vấn Đầu tư và Thiết kế	1,027,616,995	827,616,995
Công ty TNHH Tổ chức sự kiện Đại Lâm	90,000,000	-
Công ty Cổ phần thẩm định và đầu tư tài chính Hoa Sen	539,000,000	-
Đối tượng khác	471,583,227	474,492,727

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>77,314,977,157</b>	<b>-</b>	<b>261,787,797,792</b>	<b>-</b>
<b>Tạm ứng</b>	<b>8,916,318</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Bùi Thị Thanh Vân</i>	8,916,318	-	-	-
<b>Cầm cố, ký cược, ký quỹ</b>	<b>75,857,789,350</b>	<b>-</b>	<b>163,518,997,500</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam (i)	75,852,789,350	-	42,330,000,000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy(ii)	-	-	121,183,997,500	-
- Các đối tượng khác	5,000,000	-	5,000,000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>1,448,271,489</b>	<b>-</b>	<b>98,268,800,292</b>	<b>-</b>
- Nguyễn Ngọc Thủy	-	-	45,692,133,341	-
- Công ty TNHH Thương mại vận tải Shoolbus(iii)	840,700,000	-	51,580,700,000	-
- Các đối tượng khác	607,571,489	-	995,966,951	-
<b>Phải thu người lao động</b>	<b>26,032,750</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các đối tượng khác	26,032,750	-	-	-
<b>b) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>995,966,951</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần English Now Global	-	-	862,352,542	-
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	-	-	133,614,409	-

**Ghi chú:**

- (i) Giá trị đặt cọc theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng “Phần dự án trường học” trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học của Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam tại khu đất số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Theo đó, thỏa thuận này được thiết lập cho mục đích ký hợp đồng chuyển nhượng “Phần dự án trường học” trên khu đất thuộc dự án trên của Terra Gold sang cho Bên nhận chuyển nhượng phù hợp do Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings chỉ định. Việc thực hiện thỏa thuận được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 0608/2019/QĐ-HĐQT ngày 06/08/2019. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 07/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 09/03/2021. Trong vòng 03 năm kể từ ngày ký thỏa thuận hai bên sẽ thực hiện thủ tục chuyển nhượng Phần dự án trường học. Thỏa thuận bổ sung số 10/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 02/07/2021.
- (ii) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện đầu tư đặt cọc mua thêm cổ phần từ cổ đông nội bộ để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax theo Biên bản hợp số 0201/2020/BB-HĐQT ngày 2/1/2020 và Nghị quyết số 0801/2020/NQ-HĐQT ngày 08/01/2020 của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty đã thực hiện đặt cọc mua cổ phần từ Ông Nguyễn Ngọc Thủy - Cổ đông của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.
- (iii) Là khoản phải thu Công ty TNHH Thương mại Vận tải SchoolBus theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 31.12/2020/HĐCN-English Now ngày 31/12/2020 về việc Công ty CP Đầu tư Apax Holdings bán một phần vốn chủ sở hữu tại Công ty CP English Now Global.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
1/1/2021	802,350,909	336,665,306	1,139,016,215
Tăng do mua sắm	-	-	-
31/12/2021	<u>802,350,909</u>	<u>336,665,306</u>	<u>1,139,016,215</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
1/1/2021	314,254,084	179,300,211	493,554,295
Khấu hao trong kỳ	80,235,084	105,386,616	185,621,700
31/12/2021	<u>394,489,168</u>	<u>284,686,827</u>	<u>679,175,995</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
1/1/2021	<u>488,096,825</u>	<u>157,365,095</u>	<u>645,461,920</u>
31/12/2021	<u>407,861,741</u>	<u>51,978,479</u>	<u>459,840,220</u>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Triển khai hệ thống phần mềm quản lý FSOFT	-	838,998,182
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>838,998,182</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,  
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
<b>- Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.734.082.260.000</b>	<b>(18.084.870.798)</b>	<b>1.531.990.439.692</b>	<b>(3.669.345.850)</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	1.381.543.760.000	-	1.280.576.840.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	236.100.000.000	-	174.900.000.000	-
Công ty Cổ phần English Now Global	25.500.000.000	(17.395.117.673)	25.500.000.000	(3.228.042.467)
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	90.938.500.000	(689.753.125)	51.013.599.692	(441.303.383)
<b>- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>190.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng Giáo dục Edu Infra Group	190.000.000.000	-	-	-
<b>- Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>239.100.000</b>	<b>(125.100.000)</b>	<b>239.100.000</b>	<b>(125.100.000)</b>
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125.100.000	(125.100.000)	125.100.000	(125.100.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.924.321.360.000</b>	<b>(18.209.970.798)</b>	<b>1.532.229.539.692</b>	<b>(3.794.445.850)</b>

**b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2021 như sau:**

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	58,866,076	66.36%	66.36%	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	23,610,000	51.19%	51.19%	Giáo dục mầm non
Công ty Cổ phần English Now Global	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	2,550,000	51.00%	51.00%	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	9,093,850	51.00%	51.00%	Giáo dục tiểu học

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,  
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng</b>
	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>trả nợ</b> <b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>15,777,782,494</b>	<b>15,777,782,494</b>	<b>4,373,095,317</b>	<b>4,373,095,317</b>
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Ecapital	13,550,516,100	13,550,516,100	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	367,327,200	367,327,200	1,294,529,000	1,294,529,000
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Dzambala	-	-	1,302,917,400	1,302,917,400
Công ty TNHH KPMG	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200
Các đối tượng khác	475,190,994	475,190,994	390,900,717	390,900,717

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>1/1/2021</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã thực nộp</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	618.785.014	1.240.636.538	834.674.613	1.024.746.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.174.527.089	41.198.715.511	11.174.526.989	41.198.715.611
Thuế thu nhập cá nhân	388.808.898	2.274.489.236	1.676.747.948	986.550.186
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	272.069.929	1.010.506.349	1.071.506.349	211.069.929
<b>Cộng</b>	<b>12.454.190.930</b>	<b>45.727.347.634</b>	<b>14.760.455.899</b>	<b>43.421.082.665</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>11.541.773.450</b>	<b>62.192.073.678</b>
Trích trước lãi trái phiếu phải trả	9.452.054.760	3.584.452.055
Trích trước chi phí lãi tiền vay	628.854.979	58.602.621.623
Thù lao HĐQT	768.000.000	
Trích lương thưởng	542.863.711	
Chi phí phải trả khác	150.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.541.773.450</b>	<b>62.192.073.678</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,  
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2021</u>	<u>1/1/2021</u>
	VND	VND
<b><i>Dài hạn</i></b>	<b><i>1,258,811,044</i></b>	<b><i>3,711,674,000</i></b>
Phí tư vấn tài chính	-	1,258,862,000
Chi phí môi giới trái phiếu	1,231,481,479	1,935,185,185
Chi phí phát hành trái phiếu	-	458,333,333
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	27,329,565	59,293,482
<b>Cộng</b>	<b><u>1,258,811,044</u></b>	<b><u>3,711,674,000</u></b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2021</u>	<u>1/1/2021</u>
	VND	VND
<b><i>Ngắn hạn</i></b>	<b><i>1,305,047,700</i></b>	<b><i>1,234,889,803</i></b>
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	94,666,200	184,737,557
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,210,381,500	1,050,152,246
- Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	1,210,381,500	-
- Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (chưa đến nhận cổ tức)	-	589,041,135
- Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten	-	150,000,000
- Phải trả lãi trái phiếu cho Value system Shinhan bank	-	-
- Các đối tượng khác	-	311,111,111

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2021		Trong kỳ		1/1/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>8.439.100.000</b>	<b>8.439.100.000</b>	<b>2.636.307.616</b>	<b>305.062.792.816</b>	<b>310.865.585.200</b>	<b>310.865.585.200</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (i)	-	-	330.000.000	302.044.085.200	301.714.085.200	301.714.085.200
Bà Trương Thị Tâm(ii)	7.064.000.000	7.064.000.000	931.207.616	3.018.707.616	9.151.500.000	9.151.500.000
Bà Vũ Cẩm La Hương(iii)	1.375.100.000	1.375.100.000	1.375.100.000	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>711.657.471.222</b>	<b>711.657.471.222</b>	<b>339.559.421.302</b>	<b>31.374.999.999</b>	<b>403.473.049.919</b>	<b>403.473.049.919</b>
Trái phiếu chuyển đổi(iv)	72.582.074.073	72.582.074.073	109.024.154	31.000.000.000	103.473.049.919	103.473.049.919
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá(v)	299.814.761.675	299.814.761.675	189.761.674	374.999.999	300.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng(vi)	35.151.707.293	35.151.707.293	35.151.707.293	-	-	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (i)	304.108.928.181	304.108.928.181	304.108.928.181	-	-	-
<b>c) Trong đó: vay ngắn hạn/ vay dài hạn là các bên liên quan</b>	<b>304.108.928.181</b>	<b>304.108.928.181</b>	<b>330.000.000</b>	<b>302.044.085.200</b>	<b>301.714.085.200</b>	<b>301.714.085.200</b>
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	-	-	330.000.000	302.044.085.200	301.714.085.200	301.714.085.200
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	304.108.928.181	304.108.928.181	304.108.928.181	-	-	-

(i) Khoản vay Công ty cổ phần anh ngữ Apax English theo hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 31.12/2020/HĐVV/AE-AH ngày 31/12/2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings, ngày đáo hạn là 31/12/2021. Tổng hạn mức vay 301.714.085.200 VND với lãi suất 8,5%/năm, số tiền vay và lãi vay được thanh toán theo thỏa thuận của các bên, mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh.

- Hợp đồng cho vay số 31.12/2021/HĐVV/AE-AH ngày 31/12/2021 với Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings, ngày đáo hạn là 31/12/2023. Tổng hạn mức vay 304.108.928.181 VND với lãi suất 8,5%/năm, số tiền vay và lãi vay được thanh toán theo thỏa thuận của các bên, mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh.

(ii) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 01.12/2020/HĐVT/TTAM-APAX HOLDINGS ngày 01/12/2020 với số tiền cho vay là 9.151.500.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/12/2020 đến ngày 28/05/2021, lãi suất là 12%/365 ngày.

(iii) Khoản vay ngắn hạn của Công ty với Bà Vũ Cẩm La Hương căn cứ theo các thỏa thuận cho vay mượn tiền từng lần. Mục đích các khoản vay để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, không lãi suất, các thỏa thuận cho vay mượn từng lần trong vòng 6 tháng đối với từng khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

(iv) Theo Biên bản họp HĐQT số 1409/2020/BB-HĐQT ngày 14/09/2020, Nghị quyết hội đồng quản trị số 1709/2020/NQ-HĐQT ngày 17/09/2020 phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Tổng giá trị trái phiếu phát hành 300 trái phiếu; Ngày phát hành ngày 01/10/2020 và ngày kết thúc đợt phát hành ngày 21/12/2020. Đây là loại trái phiếu kỳ hạn 3 năm, trả lãi 6 tháng/lần với lãi suất cố định 12,5%/năm. Theo quy định, trái chủ được quyền yêu cầu Apax Holdings mua lại tối đa 50% trái phiếu sau 12 tháng và 100% sau 24 tháng kể từ ngày phát hành. Khi đó, trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất cố định tương ứng là 10,5%/năm và 11,5%/năm. Ngược lại, trong điều kiện Apax Holdings có nhu cầu mua lại trái phiếu trước hạn kể từ 24 tháng đến dưới 36 tháng thì lãi suất sẽ là 12,5% với tối đa 100% tổng số lượng trái phiếu mà trái chủ sở hữu tại thời điểm đề nghị mua lại.

- Lãi suất doanh nghĩa và kỳ hạn trả lãi:

+ Lãi suất danh nghĩa bằng VND: Trái phiếu có lãi suất cố định

+ Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 6 tháng một lần.

Mỗi trái phiếu sẽ được tính lãi kể từ và bao gồm ngày phát hành hoặc ngày tổ chức phát hành thực tế nhận số tiền đặt mua đối với trái phiếu đó, tùy ngày nào đến sau cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán/hoàn trả gốc trái phiếu.

- Lãi suất phát hành thực tế: Trái phiếu có lãi cố định 12,5%/năm.

- Hình thức đảm bảo khoản vay:

Đại lý quản lý tài sản đảm bảo: Công ty CP Chứng khoán An Bình.

- Hình thức đảm bảo: Trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản.

- Tài sản bảo đảm: Nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi Trái phiếu, lãi chậm trả Trái phiếu và các nghĩa vụ thanh toán khác của tổ chức phát hành đối với và liên quan đến trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản tương ứng với 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá. Từ ngày phát hành cho đến ngày báo cáo kết quả phát hành, tài sản bảo đảm là 7.500.000 cổ phần Công ty CP Anh ngữ Apax thuộc sở hữu của Tổ chức phát hành và các quyền, lợi ích phát sinh từ/có liên quan đến số cổ phiếu này kể từ ngày thể chấp. Số lượng cổ phần thể chấp ban đầu có thể được điều chỉnh tùy nhiên phải đảm bảo tổng giá trị cổ phần thể chấp ban đầu sau khi kết thúc đợt phát hành không thấp hơn 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá.

(v) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ VND trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

- Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch + 1 ngày giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;
- Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.

Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 đồng để mua 18.878.584 cổ phiếu Apax English, nâng tổng số cổ phiếu Công ty sở hữu tại Apax English lên 42.169.384 cổ phiếu;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 đồng.

Chi phí phát hành trái phiếu là 2.170.000.000 đồng, chi phí này được phân bổ đều vào chi phí hàng năm với thời hạn 05 năm.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ I năm 2019 số 0609/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau:

Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:	103 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:	103.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
Tỷ lệ chuyển đổi:	1: 49.835,54 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành 49.835,54 cổ phiếu). Nguyên tắc làm tròn số cổ phiếu được chuyển đổi: theo nguyên tắc làm tròn xuống. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống sẽ bị hủy.

Ngày chuyển đổi:	10/2/2019
------------------	-----------

Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi:	9/27/2019
---	-----------

Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu (gần nhất):	9/11/2019
---	-----------

Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi:	5.133.059 cổ phiếu
---------------------------------------	--------------------

Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ đồng) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 đồng. Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.

(vi) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 2021/HDTD/VPB-APAX ngày 24/05/2021 với tổng hạn mức vay 229.958.000.000 VND với thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Giải ngân theo từng khế ước nhận nợ, số dư nợ vay kỳ này là 34.241.200.966 VND, thời hạn cho vay từ ngày 28/5/2021 đến 28/05/2028. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 10,1%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong 02 tháng và hết 02 tháng lãi suất được điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm. Tài sản cầm cố bao gồm các hợp đồng cầm cố thế chấp sau:

- Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/NGUYENNGOCTHUY ngày 24/05/2021 với điều khoản bên bảo lãnh là Ông Nguyễn Ngọc Thủy đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty CP Đầu tư Apax Holdings trong việc thực hiện phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác đối với Ngân hàng.

- Hợp đồng cầm cố chứng khoán để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 01/HĐCCCK/VPB-APAX ngày 24/05/2021: Bên cầm cố là Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup, tài sản cầm cố là chứng khoán thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup do Công ty CP Đầu tư Apax Holdings phát hành, tài khoản lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS với số lượng 3.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTCQTS/VPB-APAX ngày 24/05/2021 giữa bên thế chấp là Công ty CP Đầu tư Apax Holdings và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có điều khoản quy định tài sản thế chấp là tất cả các quyền tài sản có phát sinh hoặc liên quan đến thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 giữa Công ty CP Terra Gold Việt Nam và Công ty CP Đầu tư Apax Holdings.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần <sup>1</sup>	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	<b>815.897.350.000</b>	<b>65.976.720.000</b>	<b>55.986.475.446</b>	<b>937.860.545.446</b>
Lãi trong năm trước	-	-	68.349.478.559	<b>68.349.478.559</b>
Tăng khác	-	-	65.976.720.000	65.976.720.000
Giảm khác	-	(65.976.720.000)	-	(65.976.720.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>815.897.350.000</b>	<b>-</b>	<b>190.312.674.005</b>	<b>1.006.210.024.005</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	162.926.584.920	162.926.584.920
Tăng khác	15.609.260.000	15.335.740.000	-	30.945.000.000
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>831.506.610.000</b>	<b>15.335.740.000</b>	<b>353.239.258.925</b>	<b>1.200.081.608.925</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Vốn đã góp			
	30/06/2021		1/1/2021	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	496,899,990,000	59.76%	502,829,990,000	61.63%
Các đối tượng khác	334,606,620,000	40.24%	313,067,360,000	38.37%
	<b>831,506,610,000</b>	<b>100%</b>	<b>815,897,350,000</b>	<b>100%</b>

**18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Lũy kế
	VND	VND
<b>a) Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11,975,925,759</b>	<b>30,115,106,710</b>
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	11,975,925,759	30,115,106,710
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11,975,925,759</b>	<b>30,115,106,710</b>

Ghi chú:

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm bao gồm doanh thu theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản trị, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng.

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này	Lũy kế
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ (i)	12,907,567,215	14,183,150,315
<b>Cộng</b>	<b>12,907,567,215</b>	<b>14,183,150,315</b>

Ghi chú:

- (i) Giá vốn cung cấp dịch vụ là các chi phí phục vụ cho các hoạt động theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng. Giá vốn được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	481,606,575	481,689,292
Lãi dự thu khoản đặt cọc với ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	13,335,821,653
Doanh thu nhượng quyền mua cổ phần (*)	157,760,000,000	272,760,000,000
<b>Cộng</b>	<b>158,241,606,575</b>	<b>286,577,510,945</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	5.442.391.216	28.091.930.881
Lãi trái phiếu phát hành	9.988.391.919	41.087.260.247
Chi phí phát hành trái phiếu	269.508.855	1.002.489.533
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	7.097.176.301	14.415.524.948
Chi phí tài chính khác	-	190.028.129
<b>Cộng</b>	<b>22.797.468.291</b>	<b>84.787.233.738</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Chi phí QLDN</b>	<b>6,406,427,260</b>	<b>11,728,663,663</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập khác	7,616	7,616
	<b>7,616</b>	<b>7,616</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Lũy kế</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	672,644,245	1,029,278,942
Xử lý hệ thống phần mềm quản lý FSOFT	-	838,998,182
<b>Cộng</b>	<b>672,644,245</b>	<b>1,868,277,124</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	204.125.300.431	79.524.005.648
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.868.277.124	294.044.985
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	205.993.577.555	79.818.050.633
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	41.198.715.511	15.963.610.126,60
Chi phí thuế TNDN được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP		4.789.083.038
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>41.198.715.511</b>	<b>11.174.527.089</b>

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Rủi ro thanh khoản***

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31/03/2020 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 - Thông tin về các bên liên quan, Công ty trình bày các thông tin về các nghiệp vụ giao dịch và số dư đối với các bên liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, trên báo cáo tài chính riêng, Công ty không trình bày các thông tin này.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng tự lập Q3/2020.

---

**Nguyễn Ngọc Thủy**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
*Hà Nội, ngày 7 tháng 2 năm 2022*

---

**Nguyễn Mạnh Phú**  
**Kế toán trưởng**

---

**Nguyễn Thị Hải**  
**Người lập**